Phụ lục 02:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nguồn vốn đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia - phân theo lĩnh vực

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025																	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó				Tổng số	Năm 2022 (bao gồm vốn năm 2021 chuyển sang)				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025				
						NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã		NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	
	TỔNG SỐ				**118.163**	**27.625**	**36.215**	**23.281**	**31.042**	**116.758**	**9.675**	**2.954**	**0**	**700**	**7.012**	**20.690**	**10.136**	**12.824**	**8.164**	**10.004**	**8.622**	**14.397**	**2.774**	**2.334**	**3.501**	**2.972**	
A	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**				**118.163**	**27.625**	**36.215**	**23.281**	**31.042**	**116.758**	**9.675**	**2.954**	**0**	**700**	**7.012**	**20.690**	**10.136**	**12.824**	**8.164**	**10.004**	**8.622**	**14.397**	**2.774**	**2.334**	**3.501**	**2.972**	
I	**Giao thông**				**29.879**	**9.709**	**7.664**	**1.902**	**10.603**	**29.879**	**3.425**	**0**	**0**	**0**	**2.670**	**6.476**	**1.610**	**5.082**	**3.226**	**1.188**	**292**	**4.939**	**388**	**0**	**0**	**582**	
1	Đường liên thôn La Vân Hạ-Tân Xuân Lai, Niêm Phò-Phò Nam B, xã Quảng Thọ		Dài 2.249,87m và các công trình trên tuyến	2023-2024	4.829	1.570	1.236	304	1.718	4.829	800				500	1.236	304	500	270			1.218					
2	Đường giao thông biển Tân An, Tân Lộc		350m	2022-2023	1.290	419	330	81	459	1.290	300				119	330	81	459									
3	Nâng cấp, mở rộng đường liên thôn từ thôn 1 đến thôn 4, xã Quảng Công		Dài 2.500m và các công trình trên tuyến	2023-2024	5.420	1.762	1.388	341	1.929	5.420	825				500	1.388	341	1.000	437			929					
4	Bê tông tuyến đường nội đồng thôn 1, 2, 3, 4, xã Quảng Công			2024-2025	3.040	988	778	192	1.082	3.040									600	778	192	500	388			582	Thực hiện theo cơ chế đặc thù
5	Đường giao thông nội đồng Cây Đa (HTX Bắc Vinh), vùng ruộng Trịa (HTX Đông Vinh) và từ Bể về Roi, thôn Đông Lâm		Dài 2.2km	2023-2024	2.000	650	512	126	712	2.000					400	512	126	712	250								
6	Đường giao thông liên thôn từ UBND xã ra ngã ba Ông Ngãi		Dài 1.900m	2023-2024	4.700	1.528	1.203	296	1.672	4.700					500	1.203	296	800	1.028			872					
7	Đường giao thông nội đồng Ông Phề, thôn Đông Xuyên và giữa 2 bàu HTX An Xuân		Dài 1200m	2024-2025	1.600	520	410	101	569	1.600									520	410	101	569					Thực hiện theo cơ chế đặc thù
8	Đường vào trang trại Tây Hoàng từ nhà ông Hiền đến cống Trầm Ngang, xã Quảng Thái		Dài 978m và các công trình trên tuyến	2022-2023	2.000	650	512	126	712	2.000	500				150	512	126	712									
9	Đường giao thông nội đồng liên vùng HTX Thắng Lợi		Dài 1.717,6m và các công trình trên tuyến	2022-2023	5.000	1.620	1.295	335	1.750	5.000	1.000				500	1.295	335	900	120			850					
II	**Thủy lợi**				**57.580**	**9.023**	**19.045**	**19.656**	**9.856**	**57.580**	**5.550**	**1.704**	**0**	**0**	**2.667**	**11.117**	**7.764**	**5.741**	**806**	**4.912**	**7.369**	**4.115**	**0**	**2.334**	**3.501**	**0**	
1	Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến đê bao nội đồng các trạm bơm tiêu: Phước Lý, Bạch Đằng, Bàu Bang, Đông Lâm				29.820		11.928	17.892		29.820		1.704				4.000	6.000			4.912	7.369			2.334	3.501		
-	Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến đê bao nội đồng các trạm bơm tiêu: Phước Lý, Bạch Đằng; xã Quảng Phước	2022-2023	Dài 1.989,4m và các công trình trên tuyến		14.985		5.994	8.991		14.985		1.704				2.800	4.200			2.512	3.769						
-	Giá cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến đê bao nội đồng trạm bơm tiêu Đông Lâm, xã Quảng Vinh	2023-2024			9.000		3.600	5.400		9.000						1.200	1.800			1.200	1.800			1.200	1.800		
-	Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến đê bao nội đồng trạm bơm tiêu Bàu Bang, xã Quảng An	2024-2025			5.835		2.334	3.501		5.835										1.200	1.800			1.134	1.701		
2	Kiên cố hoá kênh mương các HTX: Phú Thuận, Phú Hoà, xã Quảng Phú		1,333km	2022-2023	2.200	715	563	139	783	2.200	500				215	563	139	500				283					
3	Kiên cố hoá kênh mương các HTX: Quảng Thọ I, Quảng Thọ II, xã Quảng Thọ		Dài 1.706,72m và các công trình trên tuyến	2022-2023	3.200	1.040	819	202	1.139	3.200	800				240	819	202	500				639					
4	Kiên cố hoá kênh mương các HTX: Kim Thành, Phú Thanh, xã Quảng Thành		Dài 1.773m	2022-2023	3.300	1.070	855	223	1.152	3.300	800				270	855	223	500				652					

Stt	Danh mục công trình	Địa điểm xây dựng	Quy mô đầu tư dự kiến	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025																	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó				Tổng số	Năm 2022 (bao gồm vốn năm 2021 chuyển sang)				Năm 2023				Năm 2024				Năm 2025				
						NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã		NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	NSTW	Vốn đối ứng ngân sách tỉnh	Vốn đối ứng của huyện	Vốn đối ứng của xã	
5	Kiên cố hoá kênh mương các HTX: Đông Vinh, Bắc Vinh và Nam Vinh, xã Quảng Vinh		Dài 2.887m và các công trình trên tuyến	2022-2023	5.230	1.701	1.339	329	1.861	5.230	1.000				500	1.339	329	800	201			1.061					
6	Kiên cố hoá kênh mương HTX Đông Phước và HTX Mai Phước		1,933km	2022-2023	3.130	1.018	801	197	1.114	3.130	800				218	801	197	800				314					
7	Xây dựng các Trạm bơm tưới mini		08 trạm	2023-2024	3.200	1.040	819	202	1.139	3.200					435	819	202	600	605			539					
8	Kiên cố hoá kênh mương 2 HTX: Đông Phú, An Xuân, xã Quảng An		Dài 2.422m (xây mới 1.862m)	2022-2023	3.450	1.122	883	217	1.228	3.450	800				322	883	217	600				628					
9	Kiên cố hoá kênh mương: HTX Lãnh Thủy		200m		550	179	141	35	196	550					179	141	35	196									Thực hiện theo cơ chế đặc thù
10	Kiên cố hoá kênh mương các HTX: Tam Giang, Thống Nhất, xã Quảng Thái		Dài 1.131m và các công trình trên tuyến	2022-2023	1.500	488	384	95	534	1.500	350				138	384	95	534									
11	Kiên cố hoá kênh mương các HTX: Tín Lợi, Thạnh Lợi, xã Quảng Lợi		Dài 941m	2022-2023	2.000	650	512	126	712	2.000	500				150	512	126	712									
III	**Trường học đạt chuẩn Quốc gia**				**28.754**	**8.893**	**8.256**	**1.723**	**9.882**	**27.349**	**700**	**0**	**0**	**0**	**1.675**	**3.098**	**762**	**2.000**	**4.132**	**3.904**	**961**	**5.342**	**2.385**	**0**	**0**	**2.390**	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Đặng Hữu Phổ, xã Quảng Phú			2021	755		755																				Vốn SXKT tỉnh
2	Trường Mầm non Sao Mai 1 (cơ sở Phú Lễ), xã Quảng Phú		2 phòng	2022-2023	3.000	975	768	189	1.068	3.000	700				275	768	189	500				568					Nâng tầng 02
3	Trường Tiểu học số 1 Quảng Phú		4 phòng	2023-2024	3.000	975	768	189	1.068	3.000					500	768	189	500	475			568					
4	Nâng cấp, sửa chữa Trường TH Quảng Thọ			2021	650		500		150																		Vốn SXKT tỉnh
5	Trường Mầm non Kim Thành		4 phòng	2023-2024	3.000	975	768	189	1.068	3.000					500	768	189	500	475			568					
6	Trường Tiểu học số 2 Quảng Thành		4 phòng	2024-2025	3.430	1.115	878	216	1.221	3.430									700	878	216	700	415			521	
7	Trường mầm non Họa Mi 1		2 phòng	2024-2025	2.070	673	530	130	737	2.070									673	530	130	737					
8	Trường Mầm non Quảng Phước (Cơ sở Phước Lập)			2024-2025	3.400	1.106	870	214	1.210	3.400									700	870	214	600	406			610	Nâng tầng 2
9	Trường mầm non Quảng Ngạn		4 phòng	2023-2024	3.100	1.008	794	195	1.103	3.100					400	794	195	500	608			603					
10	Trường THCS Phạm Quang Ái		4 phòng	2024-2025	3.100	1.008	794	195	1.103	3.100										794	195	500	1.008		0	603	
11	Trường mầm non Quảng Thái		3 phòng	2024-2025	3.249	1.056	832	205	1.156	3.249									500	832	205	500	556			656	
IV	**Hệ thống điện chiếu sáng**				**1.950**	**0**	**1250**	**0**	**700**	**1.950**	**0**	**1.250**	**0**	**700**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Điện chiếu sáng Đường liên xã Quảng Vinh-Quảng Phú: Đoạn từ Miếu mộ Đặng Hữu Phổ đến Xuân Tuỳ và đoạn từ chợ Quảng Phú đến Phú Lễ; xã Quảng Phú		2.0km	2022	850		550		300	850		550		300													Vốn SXKT tỉnh
2	Điện chiếu sáng năng lượng mặt trời và nâng cấp đường trục thôn La Vân Hạ, Phò Nam A, xã Quảng Thọ		1,8km	2022	1.100		700		400	1.100		700		400													Vốn SXKT tỉnh

Ghi chú:
1. Tổng số dự án: 33 dự án
- Cấp huyện quản lý: 01 dự án.
- Cấp xã quản lý: 32 dự án
2, Số dự thực hiện theo cơ chế đặc thù (10)%: 03 dự án